

Bản án số: 126/2024/DS-ST

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 29/01/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: số H, đường T, khóm B, phường B, Tp.L, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: số A, khóm B, phường B, Tp.L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1970. Vắng mặt

Nơi cư trú: số 141, khóm B, phường B, Tp.L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị H trình bày: Vào ngày 01/10/2019, bà H có cho bà T vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn hạn vay là 01 năm kể từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/10/2020, lãi suất tự thoả thuận. Bà H và bà T có lập Hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng C. Hiện khoản vay trên đã đến hạn nhưng từ ngày 01/10/2019 đến nay bà T không trả cho bà H bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù bà H đã nhiều lần liên lạc nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà T trả cho bà H số tiền vay theo Hợp đồng vay tài sản ngày 01/10/2019 là 600.000.000 đồng và yêu cầu bà T trả tiền lãi đối với khoản vay trên theo mức lãi suất 10%/năm, tạm tính đến ngày 01/01/2024 là 254.898.000 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp theo của ngày 01/01/2024 đến khi bà T thanh toán xong nợ.

Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án cấp tổng đạt nhưng vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay số tiền 600.000.000 đồng, các bên có ký hợp đồng vay tiền ngày 01/10/2019 tại Văn phòng C, tỉnh An Giang, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tự các bên thỏa thuận. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản, có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả vốn, lãi theo thỏa thuận, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại hợp đồng vay tiền ngày 01/10/2019, các bên không thỏa thuận lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, việc yêu cầu tính lãi từ ngày vay 01/10/2019 là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về

việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay kể từ ngày 02/10/2020 đến ngày 08/4/2024 là 41 tháng 06 ngày x số tiền vay 600.000.000 đồng x lãi chậm trả 10%/năm (0,833%/tháng) = 205.917.600 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn, lãi bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 805.917.600 đồng. Đồng thời, không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/10/2020 là 12 tháng x 600.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) = 59.976.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2029 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Thị H số tiền 805.917.600 đồng, trong đó tiền vay là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 205.917.600 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị H đối với bị đơn Nguyễn Thị Bảo T về thời gian tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/10/2020 là 12 tháng x 600.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) = 59.976.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm

Nguyên đơn Lê Thị H phải nộp 2.988.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được khấu trừ vào 18.823.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001507 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố L. Hoàn trả lại cho bà H 15.834.200 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị Bảo T phải nộp 36.177.528 đồng (làm tròn là 36.177.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quốc Nam